

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 45/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/4/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lưu Trọng Kim

2/ Ông Hà Văn Thuận

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thái Thoại – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 547/2020/TLST-HNGĐ, ngày 30/12/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/3/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm 1978. Địa chỉ: số 107 đường 20, thôn 1B, xã T, huyện Đ, tỉnh B.

Bị đơn: Ông Đinh Văn V, sinh năm 1980. Địa chỉ: số 107 đường 20, thôn 1B, xã T, huyện Đ, tỉnh B.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24/12/2020, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân T trình bày: Bà T và ông V

tự nguyện kết hôn vào năm 2000 nhưng đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 05/12/2002. Ông bà có với nhau tất cả 04 người con gồm: Đinh Khoa Dũng, sinh năm 2001; Đinh Khoa Duy, sinh ngày 29/02/2004; Đinh Khoa Dương, sinh ngày 09/02/2006 và Đinh Khoa Danh, sinh ngày 26/02/2010. Nhiều năm gần đây, giữa bà và ông V thường xảy ra xung đột, mâu thuẫn, không hàn gắn được tình cảm. Nguyên nhân là do ông V thường xuyên uống rượu về nhà kiếm chuyện chửi bới, đánh đập bà. Vào ngày 20/7/2020, sau khi bà và ông V xung đột thì mẹ chồng đuổi mẹ con bà ra khỏi nhà nên mẹ con bà đã dọn về nơi khác sinh sống. Từ đó đến nay, bà và ông V sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Tuy nhiên, thỉnh thoảng ông V lại kiếm chuyện, đuổi đánh bà. Nay bà T nhận thấy mâu thuẫn giữa bà và ông V đã thật sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Đinh Khoa Dũng đã trưởng thành nên bà T không có ý kiến; Đối với Đinh Khoa Duy hiện chưa đủ 18 tuổi nhưng đã đi làm, có thu nhập và tự lo cho bản thân được nên bà không tranh chấp quyền nuôi con. Riêng 02 con Đinh Khoa Dương và Đinh Khoa Danh, hiện nay đang sống chung với bà, nên khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và yêu cầu ông V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 con, cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, TAND huyện Đ đã thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp nhưng bị đơn ông Đinh Văn V không có ý kiến, cũng không có yêu cầu phản tố và đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ trình bày quan điểm như sau: Về thủ tục tố tụng thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn chấp hành đúng theo triệu tập của Tòa án; Bị đơn chưa thực hiện đúng, đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, không chấp hành theo triệu tập của Tòa án. Về nội dung thì căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Hôn nhân giữa bà T và ông V không có hạnh phúc. Hai người đã ly thân thời gian dài, hiện tại mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm, thương yêu nhau. Do đó nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T là có căn cứ, đồng thời tiếp tục giao 02 con nhỏ cho bà T nuôi dưỡng và buộc ông V cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà T là phù hợp và có căn cứ pháp luật.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở đơn khởi kiện của nguyên đơn, TAND huyện Đ đã xác định quan hệ tranh chấp “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con” là đúng quy định.

Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì TAND huyện Đ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được Chánh án TANDTC công bố thì thấy rằng: nội dung tranh chấp của vụ án này không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong án lệ nên Hội đồng xét xử không áp dụng Án lệ mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án này.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông V vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông V là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét thấy bà T và ông V tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Căn cứ lời khai của bà T và 04 giấy khai sinh do UBND xã T cấp cho những người được khai sinh tên Đinh Khoa Dũng, Đinh Khoa Duy, Đinh Khoa Dương và Đinh Khoa Danh thì có đủ cơ sở xác định, chúng là con chung của bà T và ông V. Do đó căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật.

Từ các tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bà T tại phiên tòa, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định, hôn nhân giữa bà T và ông V đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, xung đột. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 7/2020 đến nay, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm, thương yêu nhau. Quá trình tham gia tố tụng, bà Thủy xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông V và kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tuy không thu thập được lời khai của ông V về tình trạng hôn nhân nhưng qua tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập đã có đủ căn cứ xác định tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông V đã thật sự trầm trọng, gây gắt, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về con chung: Xét thấy 02 cháu Dương và Danh, hiện đã trên 07 tuổi, đang sống chung với bà T và đều có nguyện vọng được sống với mẹ nếu cha mẹ ly hôn. Do đó căn cứ Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì cần thiết giao con cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là đúng quy định. Xét thấy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà T với mức 1.000.000 đồng/tháng/01 con là phù hợp nên được chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét trong bản án này.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì bà T là người khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và ông V là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu án phí về cấp dưỡng là đúng quy định pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân T.

- Về hôn nhân: Tuyên bố bà Nguyễn Thị Xuân T ly hôn ông Đinh Văn V.

- Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Xuân T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng 02 con: Đinh Khoa Dương, sinh ngày 09/02/2006 và Đinh Khoa Danh, sinh ngày 26/02/2010. Buộc ông Đinh Văn V phải cấp dưỡng nuôi 02 con cho bà Nguyễn Thị Xuân T, với định mức mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 con. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5/2021 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông Đinh Văn V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền mà ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng ông V còn phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Xuân T phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004237 ngày 30/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Ông Đinh Văn V phải nộp 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về kháng cáo: Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án (29/4/2021); Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./-

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- UBND xã T ;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Phước Hiệu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

